

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 4 năm 2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tam;
2. Bà Thái Trân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Bửu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ F, số nhà C, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Văn P do tự tìm hiểu, được gia đình đồng ý nên tiến đến hôn nhân, chung sống từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, gây nợ bất bà đứng ra trả nhiều lần, ông P bỏ đi làm công nhân ở Thành phố Hồ Chí Minh

không một lần điện thoại, hỏi thăm gia đình, chỉ lễ tết, đám tiệc về nhưng bỏ mặc vợ con không quan tâm. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không còn chung sống với nhau từ đó cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/11/2008 và Nguyễn Quang H, sinh ngày 01/9/2010. Con chung hiện sống cùng bà N. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Quan hệ hôn nhân giữa ông và bà N đúng như lời bà N trình bày. C sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau nữa. Nguyên nhân ông P có chơi cá độ bóng đá, bà N giận bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Việc bà N xin ly hôn thì ông không có ý kiến, muốn làm gì làm do Tòa án quyết định. Ông P không đồng ý ly hôn.

Tòa án tiến hành hòa giải, công khai tài liệu, chứng cứ để hàn gắn tình cảm nhưng bà N không đồng ý. Tại phiên tòa bà N vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn; ông Nguyễn Văn P có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, ý kiến không đồng ý ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực đúng hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị N đối với ông Nguyễn Văn P; giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, Nguyễn Quang H cho bà N nuôi dạy, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Bà Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị N khởi kiện xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn P có nơi cư trú tại ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn P vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân giữa bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn P do tự tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh An Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Thời gian chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, xuất phát từ việc ông P tham gia đánh bạc, điều này được ông P thừa nhận. Bà N nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được từ đó mà phát sinh mâu thuẫn.

Tòa án tiến hành xác minh, ghi lời khai của ông Nguyễn Văn P. Mặc dù ông P không đồng ý ly hôn nhưng qua lời khai ông P thể hiện vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, bỏ mặc hôn nhân bà N muốn làm gì thì làm, quan hệ hôn nhân theo quyết định của Tòa án. Lời khai người thân trong gia đình xác định mâu thuẫn vợ chồng ông P, bà N đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm, vợ chồng không còn chung sống với nhau đã lâu.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng bà N, ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận. Ý kiến không đồng ý ly hôn của ông P là không có cơ sở xem xét.

[2.2] Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/11/2008 và Nguyễn Quang H, sinh ngày 01/9/2010. Con chung hiện sống cùng bà N. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ lúc phát sinh mâu thuẫn bà N vẫn chăm sóc nuôi dạy cháu T, cháu H; nguyện vọng của các cháu được sống cùng mẹ; ông P tôn trọng nguyện vọng của các con về việc sống cùng ai sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con chung sau khi ly hôn của bà N.

Công nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N được ly hôn ông Nguyễn Văn P.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/11/2008 và Nguyễn Quang H, sinh ngày 01/9/2010. Giao con chung cho bà Trần Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy.

Công nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007726 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu (bà N đã nộp đủ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 24/4/2024) để yêu cầu Tòa án nhân

dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn P có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Tx.Tân Châu;
- Chi cục THADS Tx.Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã đăng ký kết hôn (nếu có);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Minh Nhựt